

Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ

HĐ, ngày 12 tháng 03 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Tuấn Thị Kim C**, sinh năm 1977;

Trú tại: Xóm ĐĐ, xã DL, huyện HĐ, thành phố HN.

Bị đơn: Anh **Trần M**, sinh năm 1969;

Trú tại: Xóm ĐĐ, xã DL, huyện HĐ, thành phố HN.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 03 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tuấn Thị Kim C và anh Trần M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 17/08/2001; cháu Trần Mỹ H, sinh ngày 28/09/2003; cháu Trần Ngọc C, sinh ngày 18/11/2013; cháu Trần Mỹ T, sinh ngày 18/11/2013 cho chị Tuấn Thị Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tuấn Thị Kim C là: 1.500.000đ(một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01/03/2019 cho đến khi các cháu Trần Ngọc D; cháu Trần Mỹ H; cháu Trần Ngọc C; cháu Trần Mỹ T đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Tuấn Thị Kim C và anh Trần M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Tuấn Thị Kim C phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị C đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0008681 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố HN. Trả lại chị Tuấn Thị Kim C số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí đã nộp. Anh Trần M phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND.TP HN
- VKSND.H.HĐ;
- Cơ quan THADS.H.HĐ;
- UBND xã DL, huyện HĐ, thành phố HN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Anh

